TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc N, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Anh Lương Văn Đ, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Ngọc N trình bày:

Chị và anh Lương Văn Đ cưới nhau vào năm 2013 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là xã P) huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 18/5/2013. Sau khi cưới nhau cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh Đ không

quan tâm đến việc gia đình, thường xuyên tham gia nhậu nhẹt với bạn bè nên mọi việc trong gia đình đều do chị làm, thậm chí anh Đ không tôn trọng chị nên nhiều lúc có những hành động làm tổn thương chị trước mặt con, ngoài ra mẹ chồng khó tính, hay bênh vực anh Đ nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng nhiều, chị không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh Đ nên đã ly thân cách nay khoảng hai năm, trong thời gian ly thân hai bên không hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Lương Nhật Đăng A, sinh ngày 30/9/2015, hiện con chung đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Lương Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị N về thời gian cưới nhau, đăng ký kết hôn, về nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì anh Đ thừa nhận trong 10 năm chung sống, đôi lúc anh đã không chăm lo tốt cho vợ con, vô tâm với vợ con, đôi lúc vì bạn bè, vì công việc nên anh cũng tham gia nhậu nhẹt, trước đây vợ có khuyên nhưng anh không thay đổi, ngoài ra giữa vợ và mẹ anh không hợp tính nhau nên anh cũng rất khó xử. Nhưng từ khi vợ chồng ly thân, anh nghe vợ nói về việc ly hôn thì anh tự suy nghĩ về thời gian đã qua, suy nghĩ về việc sẽ không còn vợ con bên cạnh mình nên anh tự giác thay đổi, mặc dù vợ không còn khuyên nữa nhưng anh vẫn tự giác bỏ bớt nhậu nhẹt, dành nhiều thời gian quan tâm vợ con hơn. Nay anh còn thương vợ, muốn vợ chồng hàn gắn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung là Lương Nhật Đăng A, sinh ngày 30/9/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn thì anh đồng ý để con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên anh sẽ phụ tiền theo khả năng của mình để cùng vợ nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị N trình bày: Anh Đ cho rằng có thay đổi thì chị thấy anh Đ cũng có thay đổi nhưng không nhiều, có bớt nhậu nhưng khi nhậu sỉn thì không kiềm chế được được cảm xúc, hành động của mình, gần đây anh Đ có lời lẽ đe dọa chị nên tâm lý của chị rất sợ, phải uống thuốc ngủ mới ngủ được nên chị cương quyết giữ yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Anh Đ trình bày: Trong khoảng thời gian hai năm trở lại đây, anh đã cố gắng thay đổi rất nhiều, nhưng vợ không đón nhận, dẫn đến tâm lý của anh bị túng quẫn nên khi năn nỉ vợ không được mà vợ cứ buộc anh ký đơn ly hôn nên anh có lời lẽ đe dọa vợ, chứ không có hành động gì gây tổn thương vợ. Anh mong vợ cho anh cơ hội để bù đắp cho vợ con, anh không đồng ý ly hôn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó,vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Ngọc N đối với anh Lương Văn Đ. Về con chung giao cháu Lương Nhật Đăng A, sinh ngày 30/9/2015 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc N và anh Lương Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã P), huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 18 tháng 5 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hợp pháp.

Chị N cho rằng trong thời gian dài chung sống, anh Đ không quan tâm đến chị và con, anh Đ thường xuyên tham gia nhậu nhẹt với bạn bè, giữa chị và gia đình chồng có sự bất hòa. Chị N không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Anh Đ thừa nhận việc trước đây đôi lúc anh có nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con là do anh không đúng nên anh mong chị N cho anh cơ hội sửa đổi để vợ chồng hàn gắn.

Nhận thấy, để cuộc hôn nhân được hạnh phúc thì vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng anh Đ không làm được; ngược lại, việc vô tâm, không quan tâm vợ con trong thời gian dài của anh Đ đã làm tổn thương đến tinh thần của chị N. Thời gian gần đây, anh Đ có thay đổi nhưng không nhiều,

thỉnh thoảng khi có uống rượu thì anh Đ không kiềm chế được cảm xúc, hành động của mình nên chị N thấy vợ chồng không thể hàn gắn được. Xét thấy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh Đ có một con chung là cháu Lương Nhật Đăng A, sinh ngày 30/9/2015 đang sống cùng chị N, khi ly hôn chị N có yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của con chung thì Hội đồng xét xử giao con chung cháu Đăng A cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị N tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Lê Ngọc N phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Ngọc N đối với anh Lương Văn Đ. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 18/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã P), huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Lê Ngọc N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Nhật Đăng A, sinh ngày 30/9/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Ngọc N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0003906 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Ngọc N, anh Lương Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã P (Ba Tri – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Lâm